TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5- 2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hường, ông Nguyễn Thành Mạnh;

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị H T B P, sinh năm 1990

2- Bị đơn: Anh B T D, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: khu C, xã V, huyện K, tỉnh T

(chị P, anh D đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Nguyên đơn chị H T B P trình bày: Vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2016 tại UBND xã T (nay là xã V), huyện K, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống với bố mẹ đẻ của chị P tại xã T, huyện K, tỉnh T, vợ chồng đều là cán bộ công chức ngoài ra vợ chồng còn kinh doanh thêm ở ngoài. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về kinh tế, không có tiếng nói chung, anh D chịu khó làm nhưng cũng chi tiêu mạnh tay không nghĩ đến gia đình vợ con nên nợ nần, nhiều đã có lần chị P phải vay mượn trả nợ cho anh D nhưng anh D vẫn không thay đổi, không biết chia sẻ với chị P, không khí gia đình căng thẳng. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân, không quan quan tâm đến nhau. Trong quá trình sống ly thân, anh D không nói gì với chị P về việc anh muốn vợ chồng đoàn tụ, mà chỉ có bố mẹ anh D đến nói chuyện với chị P và bố mẹ của chị P khi chị P có đơn xin ly hôn anh D tại Toà

án nhân dân huyện K. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh D, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

+Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh B T D trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị P trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn thì theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Trong quá trình chung sống anh D làm ăn thua lỗ dẫn đến vay nợ nhiều, chị P phải hỗ trợ anh trả nợ nhưng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh không cần chị P hỗ trợ việc trả nợ. Chị P đã đuổi anh ra khỏi nhà nên anh D về nhà bố mẹ đẻ tại xã V sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay.

Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý mà xin đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị P và vợ chồng không có mâu thuẫn gì hơn nữa con chung của vợ chồng còn nhỏ cần có cả bố mẹ chăm sóc.

- **Về con chung:** Hai bên đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là Bùi Hà P T, sinh ngày 25/10/2016; B H T, sinh ngày 20/02/2019, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con chung vẫn sống cùng chị P và bố mẹ đẻ của chị P tại xã T, huyện K, tỉnh T.

Nếu ly hôn chị P xin trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Hà P T, sinh ngày 25/10/2016; để anh B T D nuôi con chung là cháu B H T, sinh ngày 20/02/2019; Anh D xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Chị P và anh D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung; Về quyền và nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức:** Hai bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị H T B P, bị đơn anh B T D vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H T B P được ly hôn anh B T D.

- Về con chung: Giao cho chị H T B P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Hà P T, sinh ngày 25/10/2016; anh B T D trực tiếp nuôi con chung là cháu B H T, sinh ngày 20/02/2019, kể từ tháng 6/2023 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H T B P, anh B T D được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị B T B P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị H T B P và anh B T D là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là anh B T D có nơi cư trú tại xã V, huyện K, tỉnh T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án chị H T B P và anh B T D đều có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H T B P và anh B T D đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại địa P cung cấp: *"Chị H T B P và anh B T D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cát Trù (nay là xã V), sau đó về chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ đẻ chị P tại xóm Dộc, xã T. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa P và khu dân cư không biết được, khoảng tháng 12/2021,anh D về nhà bố mẹ đẻ của anh sinh sống không sống với chị P tại khu xóm Dộc, xã T nữa. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ thời gian đấy đến nay. Anh D không chung sống với chị P, trên thực tế cuộc sống hôn nhân giữa chị P và anh D không còn tồn tại"*

Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng thì thấy giữa chị P và anh D có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, mỗi người ở một nơi. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa chị P và anh D trên thực tế không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc chị P xin ly hôn anh D là có căn cứ chấp nhận. Anh D xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình, vợ chồng vẫn sống mỗi người một nơi, không có tiếng nói chung, luôn bất đồng nhau về quan điểm sống, nên việc anh D xin đoàn tụ là chưa thật tâm nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh D.

[2.2]. Về con chung: Chị P hiện tại đang công tác tại Huyện Uỷ huyện K và kinh doanh thêm bên ngoài, anh D công tác tại UBND xã L và có thu nhập từ kinh doanh bên ngoài, anh D sống cùng bố mẹ đẻ tại xã V, chị P sống cùng bố mẹ đẻ tại xã T. Cả anh D, chị P đều có thu nhập và có chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi con chung của vợ chồng. Tuy nhiên cháu Bùi Hà P T là con gái nên cần giao cho chị P nuôi dưỡng con chung là phù hợp, cháu B H T con trai nên để anh D nuôi là phù hợp, bởi lẽ trong quá trình phát triển của các cháu về thể chất thì cháu T cần có mẹ là chị P ở bên cạnh chăm sóc, dạy bảo, cháu T cần có bố là anh D ở bên cạnh chăm sóc, dạy bảo. Do đó, cần giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có gì, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 273; *khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự*;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H T B P được ly hôn anh B T D.

[2]. Về con chung: Giao cho chị H T B P trực tiếp nuôi cháu Bùi Hà P T, sinh ngày 25/10/2016; giao cho anh B T D trực tiếp nuôi con chung là cháu B H T, sinh ngày 20/02/2019, kể từ tháng 6/2023 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị P, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P, anh D được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị H T B P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008161 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Chị H T B P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h.K;
- UBND xã V;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Thảo

H

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận hợp lệ hoặc được niêm yết.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Mạnh **Đỗ Thị Thuý Hường**

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày 30 tháng 5 năm 2023.
Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Mạnh **Đỗ Thị Thuý Hường**

Đỗ Thị Thảo